

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DSST

Ngày: 29/6/2020.

*“V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt;
2. Bà Lê Thị Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-DS ngày 27/02/2020 về việc *“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách Nh hữu hạn Một thành viên Tín Nh;

Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh L.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn Nh - Giám đốc công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn H, sinh năm 1975. Địa chỉ: 326/2 đường H, tổ 01, phường H, thành phố P, tỉnh GL

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 119 đường T, thôn H, phường C, thành phố P, tỉnh GL

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Văn H trình bày:

Công ty Trách Nh hữu hạn Một thành viên Tín Nh (viết tắt: Công ty) và ông Nguyễn Văn T có mối quan hệ làm ăn mua bán từ năm 2006 cho đến năm 2016, sau năm 2016 bên Công ty và ông T đã phát sinh công nợ. Tính đến 02/01/2019, các khoản tiền làm ăn mua phân và cắt giá cà phê hai bên đã chốt như sau:

- Ngày 28/3/2016 ông T nợ nguyên đơn số tiền 131.943.000đ, tiền lãi 52.566.000đ

- Ngày 21/6/2016 ông T nợ nguyên đơn số tiền 17.000.000đ, tiền lãi 6.222.000đ.

- Ngày 23/3/2017 Tiền ông T nợ qui ra tiền mặt 23.700.000đ, tiền lãi 6.115.000đ.

- Ngày 25/5/2017 Tiền ông T nợ qui ra tiền mặt 27.400.000đ, tiền lãi 6.411.000đ.

- Ngày 31/12/2018 Tiền ông T nợ qui ra tiền mặt 30.132.000đ, tiền lãi 4.339.000đ.

Tổng cộng: 305.828.000đ

Ngày 02/01/2019 ông T trả 1.930kg cà phê xô nhân với giá 33.300đồng = 64.269.000đ. Như vậy tính đến ngày 02/01/2019 ông T còn nợ Công ty số tiền 241.559.000đ (*Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm năm mươi chín ngàn đồng*).

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông T thanh toán nhưng ông T nhiều lần hẹn nhưng không thanh toán trả nợ.

Nay Công ty yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền tổng cộng: 280.691.000đ, trong đó tiền gốc: 241.559.000đ, tiền lãi: 39.132.000đ (tiền lãi tính từ ngày 02/01/2019 đến 19/02/2020).

Bên nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T pH trả số tiền 241.559.000 đồng và số tiền lãi (Lãi suất 1,2%/tháng x 13 tháng 15 ngày x 241.559.000 đồng) là 39.132.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi và bên Công ty có mối quan hệ làm ăn trong thời gian từ năm 2006 đến nay, bên Công ty cung cấp phân bón và mua bán nông sản; thời gian vài năm gần đây do cà phê và tiêu xuống dốc, mất mùa nên việc tôi thanh toán các khoản mua phân bón cho bên Công ty hơi chậm trễ; đến ngày 02/01/2019 hai bên đã chốt sổ và tôi còn nợ của bên Công ty số tiền 241.559.000 đồng (trong khoản tiền chốt nợ này bên Công ty đã có tính lãi 75.653.000đồng), đây là việc mua bán giữa hai bên đã lâu năm không pH khoản tiền tôi vay hay mượn của bên Công ty có xác định thời hạn trả nợ mà bên Công ty buộc tôi pH trả lãi 39.132.000 đồng trong khoản tiền 241.559.000 đồng. Tôi đồng ý trả số tiền 241.559.000 đồng cho bên Công ty, tuy nhiên vì điều kiện tình hình kinh tế khó khăn chung của cả nước, tôi xin bên Công ty cho tôi được thanh toán trả nợ vào tháng 12/2020. Riêng về phần lãi tôi không đồng ý trả, vì tôi không vay tiền hay vi phạm thời hạn trả nợ để pH trả lãi suất. Đề nghị Tòa án xem xét khoản tiền lãi suất mà bên phía nguyên đơn đã yêu cầu.

Đây là khoản tiền tôi chốt nợ giữa cá nhân tôi với bên Công ty, tôi chịu trách Nh trả cho bên Công ty không liên quan đến người nào trong gia đình của tôi.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật "*Thực hiện nghĩa vụ trả tiền*" là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Giấy chốt nợ, bản viết tay được cắt từ trong quyển sổ ra, nội dung thể hiện cả hai bên đã chốt số tiền còn nợ là 241.559.000đồng đến ngày 02/01/2019, [trong đó nợ gốc: 165.906.000đồng, lãi suất là 75.653.000đồng] có chữ ký của ông Nguyễn Văn T (bản gốc, bút lục số: 29)]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn pH thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 241.550.000đồng theo giấy chốt nợ vào ngày 02/01/2019 và bị đơn cũng xác nhận về khoản tiền này chưa thanh toán cho nguyên đơn. Như vậy, xét thấy giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực.

Nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn pH trả khoản tiền lãi suất từ ngày 02/01/2019 đến ngày 19/02/2020 cụ thể: $(241.559.000 \text{ đồng} \times 1,2\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 39.132.000 \text{ đồng})$, nguyên đơn cho rằng bên bị đơn đã vi phạm về thời hạn trả nợ, nên pH trả lãi suất. Tuy nhiên chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp không thể hiện ngày trả nợ để xác định bên bị đơn có vi phạm về thời hạn nghĩa vụ trả nợ và các bên cũng không có thỏa thuận nào khác, vì vậy việc yêu cầu tính lãi suất là 39.132.000 đồng (từ ngày 02/01/2019 đến ngày 19/02/2020) của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T pH trả cho nguyên đơn số tiền là: 241.559.000đ (*Hai trăm bốn mươi một triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn đồng*). Bác một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi suất số tiền 39.132.000 đồng của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Nguyễn Văn T pH chịu $(241.559.000\text{đồng} \times 5\%) = 12.077.950\text{đồng}$ (*Mười hai triệu, không trăm bảy mươi bảy ngàn, chín trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn pH nộp tiền án phí về phần lãi suất không được chấp nhận là $(39.132.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.956.600\text{đồng}$ (*Một triệu, chín trăm năm mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004744 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, Gia Lai. Hoàn trả số tiền còn lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 91,93, 94, 95, 96, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*).

- Áp dụng các Điều 278, 280 Bộ luật dân sự 2015;

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2]. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T pH trả cho nguyên đơn Công ty Trách Nh hữu hạn Một thành viên Tín Nh số tiền: 241.559.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

người pH thi hành án còn pH trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T pH nộp: 12.077.950đồng (*Mười hai triệu, không trăm bảy mươi bảy ngàn, chín trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc nguyên đơn pH nộp số tiền án phí 1.956.600đồng (*Một triệu, chín trăm năm mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng*) nhưng được trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004744 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, Gia Lai. Hoàn trả số tiền 5.060.675 đồng (*Năm triệu, không trăm sáu mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*) còn lại cho nguyên đơn.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC VỊ HỘI THẨM

THẨM PHÁN CHỦ TỌA